

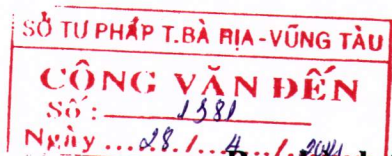
**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số: 18 /2014/QĐ-UBND

Bà Rịa, ngày 22 tháng 4 năm 2014



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giao thông Vận tải Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phân cấp quản lý, bảo vệ và phân loại đường bộ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 411/TTr-SGTVT ngày 17 tháng 3 năm 2014 và kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 461/STP-VBPQ ngày 14 tháng 3 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

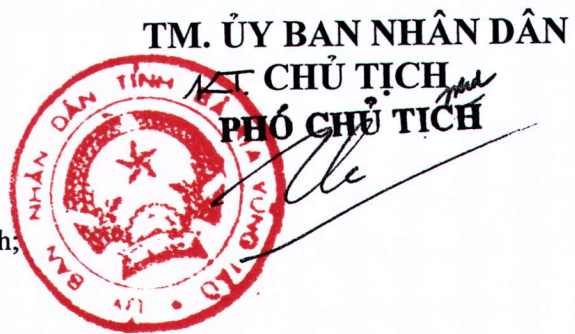
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trái với Quy định kèm theo Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTr.TU, TTr.HĐND Tỉnh, Đoàn ĐBQH Tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND Tỉnh;
- UBMTTQVN Tỉnh;
- Sở Tư pháp (theo dõi);
- TT Công báo Tỉnh;
- Bộ GTVT (báo cáo);
- Báo BR-VT, Đài PT-TH Tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

(32) 51



Trần Ngọc Thới

QUY ĐỊNH

Về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2014/QĐ-UBND ngày 22/tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn thực hiện công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên hệ thống đường bộ địa phương (đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã và đường chuyên dùng).

Đối với những nội dung không được đề cập trong Quy định này, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giao thông Vận tải Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài liên quan đến hoạt động quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên hệ thống đường bộ địa phương.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Theo quy định của Luật Giao thông đường bộ ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2008 và Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP), các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đường tỉnh là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. *Đường huyện* là đường nối từ trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

3. *Đường xã* là đường nối trung tâm hành chính của xã với các thôn, làng, ấp, bản và đơn vị tương đương hoặc đường nối với các xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

4. *Đường đô thị*: Là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị.

5. *Đường chuyên dùng*: Là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6. *Cơ quan quản lý đường bộ*: Là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (Sau đây gọi tắt là *UBND cấp huyện*); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (Sau đây gọi tắt là *UBND cấp xã*).

7. *Công trình đường bộ*: Gồm đường bộ, nơi dừng xe, đỗ xe trên đường bộ, đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, cọc tiêu, rào chắn, đảo giao thông, dải phân cách, cột cây số, tường, kè, hệ thống thoát nước, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí và các công trình, thiết bị phụ trợ đường bộ khác.

8. *Hệ thống hạ tầng kỹ thuật*: Gồm các loại đường dây, đường ống, tuynen và hào kỹ thuật đặt dọc, ngang qua đường.

Chương II

PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Phạm vi đất dành cho đường bộ gồm đất của đường bộ và đất hành lang an toàn đường bộ.

2. Đất của đường bộ bao gồm phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ (dưới đây gọi tắt *phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ là phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ*).

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ dùng để giữ vật tư sử dụng cho việc bảo trì, để di chuyển hoặc đặt các thiết bị thực hiện việc bảo trì, để chất bẩn từ mặt đường ra hai bên đường, chống xâm hại công trình đường bộ.

Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ được quy định tại Điều 14 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP. Các cơ quan quản lý đường bộ khi xác định bề rộng hành lang an toàn đối với đường phải căn cứ cấp kỹ thuật của đường được quản lý theo quy hoạch, đối với cầu phải căn cứ vào chiều dài của cầu.

3. Đối với đường bộ xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, chủ đầu tư phải xác định giới hạn đất của đường bộ và lập thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi đất, thực hiện bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Đối với công trình đường bộ đang khai thác thì cơ quan quản lý đường bộ cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương phải xác định giới hạn và phải có kế hoạch hàng năm thu hồi đất của người sử dụng đất để quản lý theo quy định, ưu tiên giải quyết thu hồi đất với các đường bộ từ cấp III trở lên.

Điều 5. Giới hạn hành lang an toàn đường bộ

1. Hành lang an toàn đường bộ là dải đất dọc hai bên đất của đường bộ (kể cả phần mặt nước dọc hai bên cầu, hầm, bến phà, cầu phao) nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ.

2. Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định từ Điều 16 đến Điều 20 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 1 của Nghị định số 100/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (*Sau đây gọi tắt là Nghị định số 100/NĐ-CP*). Các cơ quan quản lý đường bộ khi xác định bề rộng hành lang an toàn đối với đường phải căn cứ cấp kỹ thuật của đường được quản lý theo quy hoạch, đối với cầu phải căn cứ vào chiều dài của cầu.

3. Trường hợp đường bộ đi chung với công trình thủy lợi, hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật về đê điều.

Điều 6. Phạm vi bảo vệ của công trình đường bộ

1. Giới hạn bảo vệ trên không của công trình đường bộ xây dựng mới thực hiện theo Điều 21 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

2. Khoảng cách các công trình đến công trình đường bộ được thực hiện theo Điều 22 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với cột của công trình thiết yếu (nằm trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ) phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu như sau:

a) Đối với cột có chiều cao (tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột) lớn hơn 4,0m, khoảng cách tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của cột.

b) Đối với cột có chiều cao (tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột) nhỏ hơn hoặc bằng 4,0m, khoảng cách tính từ chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào đến chân cột tối thiểu bằng 05m.

c) Trường hợp đường bộ đi qua khu vực nội thành, nội thị, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang bằng bề rộng của chỉ giới xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Trường hợp đường bộ đi qua khu vực miền núi có địa hình núi cao, vực sâu, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với cột của công trình thiết yếu được phép nhỏ hơn khoảng cách quy định tại điểm a, điểm b khoản này nhưng tối thiểu phải cách mép phần xe chạy 2,0m được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền quyết định cụ thể trong văn bản chấp thuận xây dựng công trình.

Chương III

SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 7. Sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ chỉ dành để xây dựng công trình đường bộ và công trình sử dụng, khai thác cho mục đích an toàn giao thông vận tải đường bộ; trừ một số công trình thiết yếu không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ nhưng phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Nghiêm cấm xây dựng trái phép các loại công trình khác trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Việc khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuân theo Điều 26, Điều 28 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Quy định này.

2. Không được sử dụng gầm cầu đường bộ làm nơi ở, hoạt động kinh doanh dịch vụ, điểm dừng xe, bến xe gây mất an toàn công trình cầu, mất an toàn giao thông, ô nhiễm môi trường. Trường hợp sử dụng gầm cầu đường bộ trong đô thị làm bãi đỗ xe tạm thời phải được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Bãi đỗ xe tạm thời phải đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa cầu theo quy định.

Điều 8. Quản lý sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được đầu tư xây dựng theo hình thức xây dựng - kinh doanh - chuyển giao, xây dựng - chuyển giao - kinh doanh, xây dựng - chuyển giao và đường chuyên dùng

1. Việc xây dựng công trình thiết yếu, xây dựng, cải tạo các nút giao thông, điểm đầu nối liên quan đến công trình đường bộ được đầu tư xây dựng theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO) hoặc Xây dựng - Chuyển giao (BT), cơ quan đường bộ có thẩm quyền khi thực hiện thỏa thuận quy hoạch, chấp thuận xây dựng, chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công, ngoài việc thực hiện theo hướng dẫn của Quy định này còn phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Nhà đầu tư dự án BOT, BTO, BT về các vấn đề an toàn giao thông, ảnh hưởng đến kết cấu công trình, thu phí và các vấn đề khác có liên quan.

2. Việc xây dựng công trình thiết yếu, xây dựng, cải tạo các nút giao thông, điểm đầu nối liên quan đến đường chuyên dùng, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác đường chuyên dùng đó trực tiếp xem xét, quyết định.

Điều 9. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Công trình thiết yếu bao gồm:

- a) Công trình phục vụ quốc phòng, an ninh;
- b) Công trình phục vụ quản lý, khai thác đường bộ;
- c) Công trình viễn thông, điện lực, đường ống cấp, thoát nước, xăng, dầu, khí;

d) Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; công trình phải bố trí trên cùng một mặt bằng với công trình đường bộ để bảo đảm tính đồng bộ và tiết kiệm.

2. Trường hợp không thể xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, công trình thiết yếu có thể được cơ quan có thẩm quyền xem xét cho phép xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Trường hợp xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, việc xây dựng công trình thiết yếu phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền có ý kiến chấp thuận.

4. Công trình thiết yếu được chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công theo quy định tại Khoản 2 Điều này, phải di chuyển kịp thời theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; không được bồi thường, hỗ trợ di chuyển phần công trình đã được chấp thuận xây dựng, cấp phép thi công; Chủ đầu tư hoặc Chủ sử dụng công trình thiết yếu chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến việc xây dựng công trình thiết yếu.

Điều 10. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu gửi hồ sơ đề nghị được chấp thuận việc xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết, quy định cụ thể như sau:

a) Sở Giao thông vận tải chấp thuận đối với dự án sau đây:

- Dự án công trình thiết yếu xây dựng mới có quy mô nhóm A, nhóm B; có liên quan đường cấp I, cấp II, cấp III hoặc có liên quan đến phạm vi quản lý của từ hai cơ quan trực tiếp quản lý trở lên (UBND cấp huyện);

- Dự án công trình thiết yếu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp liên quan đến đường cấp I, cấp II, cấp III.

- Dự án công trình thiết yếu liên quan đến hệ thống đường được phân cấp quản lý.

b) Phòng Quản lý đô thị thuộc UBND thành phố, phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc UBND huyện (*Sau đây gọi tắt là Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng*) chấp thuận đối với các dự án sau đây, trừ quy định tại Điểm a Khoản này:

- Dự án công trình thiết yếu xây dựng mới nhóm C và chưa đến mức lập dự án có liên quan đến đường được giao quản lý từ cấp IV trở xuống;

- Dự án công trình thiết yếu sửa chữa, cải tạo, nâng cấp liên quan đến đường được giao quản lý từ cấp IV trở xuống.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo hướng dẫn tại Điều 20 của Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này;

- Hồ sơ thiết kế, trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình (bản chính). Nếu hồ sơ thiết kế là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có xác nhận của chủ công trình);

- Cam kết di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; không được yêu cầu bồi thường và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm kinh phí liên quan.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu có giá trị trong thời gian 18 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá 18 tháng phải gia hạn. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

a) Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

b) Thời gian giải quyết: trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

c) Thời gian gia hạn: chỉ gia hạn 01 lần với thời gian không quá 12 tháng.

d) Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo Điều 20 của Quy định này.

Điều 11. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác

1. Các công trình thi công trong phạm vi đất dành cho đường bộ chỉ được tiến hành thi công khi có Giấy phép thi công của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cấp phép.

Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công là Sở Giao thông Vận tải hoặc Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng được giao quản lý đường bộ.

2. Sau khi có văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, chủ đầu tư công trình thiết yếu phải:

a) Hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế theo văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ thiết kế công trình theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng công trình.

c) Phê duyệt dự án xây dựng công trình theo quy định hiện hành.

d) Gửi hồ sơ theo quy định tại Khoản 4 Điều này đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp phép thi công công trình.

3. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo hướng dẫn tại Điều 20 của Quy định này.

4. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu.

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Quy định này;

- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư);

- Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông, đảm bảo vệ sinh môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính);

- Cam kết di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; không được yêu cầu bồi thường và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm kinh phí liên quan (bản chính).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ; riêng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công là 02 bộ.

5. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Cơ quan quản lý đường bộ cấp giấy phép thi công theo mẫu tại Phụ lục 5 kèm theo Quy định này.

6. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng thi công công trình thiết yếu có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ. Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công và nhà thầu thi công công trình thiết yếu phải có đủ năng lực hành nghề đối với công trình đường bộ.

7. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu hạng mục công trình đường bộ khi hoàn trả lại hiện trạng ban đầu.

8. Chủ đầu tư công trình thiết yếu nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật công trình thiết yếu vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

9. Chủ sử dụng, kinh doanh, khai thác công trình thiết yếu chịu trách nhiệm bảo trì công trình thiết yếu; việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thiết yếu không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững công trình đường bộ phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này.

Điều 12. Chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác

1. Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ đang khai thác phải tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cá nhân, tổ chức được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo, tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo, tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05m.

3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ phải tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Nếu giới hạn này bị vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.

4. Sở Giao thông Vận tải hoặc Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng có thẩm quyền chấp thuận và cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi được giao quản lý.

5. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận xây dựng hoặc cấp phép thi công thực hiện như đối với công trình thiết yếu.

Điều 13. Xây dựng công trình thiết yếu trên các tuyến đường được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo

1. Khi lập dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc nắn chỉnh tuyến đường, Chủ đầu tư dự án phải:

a) Gửi thông báo đến các Sở, Ban ngành, UBND cấp huyện có liên quan về thông tin cơ bản của dự án (như cấp kỹ thuật, quy mô, hướng tuyến, mặt cắt ngang, thời gian dự kiến khởi công và hoàn thành) để các tổ chức có nhu cầu xây dựng các công trình thiết yếu được biết về dự án chuẩn bị được xây dựng;

b) Tổng hợp nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của dự án và báo cáo về cấp quyết định đầu tư để được xem xét các vấn đề có liên quan. Đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình thiết yếu;

c) Căn cứ ý kiến của cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư dự án đường bộ thông báo cho tổ chức có công trình thiết yếu biết việc xây dựng hợp kỹ thuật hoặc việc thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo đường bộ phải:

a) Gửi văn bản đề nghị (kèm theo yêu cầu thiết kế kỹ thuật của hạng mục công trình thiết yếu sẽ xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ) đến chủ đầu tư dự án xây dựng đường bộ;

b) Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu và đồng bộ với quá trình thi công dự án đường bộ.

3. Khi có nhu cầu thi công, lắp đặt công trình thiết yếu trong hợp kỹ thuật của công trình đường bộ đã được xây dựng, chủ đầu tư dự án có công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Quy định này để được cấp giấy phép thi công và chi trả kinh phí thuê hợp kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

4. Mọi chi phí phát sinh để thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu gây ra do Chủ đầu tư công trình thiết yếu chi trả.

Điều 14. Xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất bảo vệ, bảo trì đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác

1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trên đường đang khai thác phải đề nghị cơ quan quản lý đường bộ cấp giấy phép thi công bảo đảm an toàn giao thông.

Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công là Sở Giao thông Vận tải hoặc Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng được giao quản lý đường bộ.

2. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo hướng dẫn tại Điều 20 của Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thi công:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 4 kèm theo Quy định này;

- Văn bản góp ý thiết kế cơ sở trong trường hợp thiết kế 2 bước, hoặc 3 bước (bản sao có xác nhận của Chủ công trình);

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông, đảm bảo vệ sinh môi trường) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản sao có xác nhận của Chủ công trình).

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. Cơ quan quản lý đường bộ cấp giấy phép thi công theo mẫu tại Phụ lục 5 kèm theo Quy định này.

5. Thời hạn của giấy phép được cấp theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức nhưng tối đa không quá 12 tháng.

6. Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo đường bộ đang khai thác do cơ quan quản lý đường bộ trực tiếp làm chủ đầu tư, không phải đề nghị cấp giấy phép thi công; nhưng trước khi thi công, Ban Quản lý dự án hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến cơ quan quản lý đường bộ hồ sơ phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông, bảo đảm vệ sinh môi trường để được xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức bảo đảm an toàn giao thông khi thi công.

7. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp giấy phép thi công nhưng phải nghiêm chỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ, chịu hoàn toàn trách nhiệm và kinh phí liên quan khi để xảy ra tai nạn giao thông.

Điều 15. Cấp phép sử dụng tạm thời một phần hè phố của hệ thống đường địa phương không vào mục đích giao thông

1. Các cá nhân, tổ chức có nhu cầu sử dụng một phần hè phố không vào mục đích giao thông phải được cơ quan quản lý hè phố cấp phép. Một phần hè phố sử dụng tạm thời không vào mục đích giao thông trong các trường hợp dưới đây phải xin cấp phép:

a) Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong thời gian lớn hơn 30 ngày;

b) Điểm trông, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội;

c) Điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình trong thời gian từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép là Sở Giao thông Vận tải hoặc Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng được giao quản lý hè phố.

3. Vị trí hè phố được phép sử dụng tạm thời không vào mục đích giao thông phải đáp ứng đủ các điều kiện dưới đây:

a) Việc sử dụng tạm thời một phần hè phố không được gây mất trật tự, an toàn giao thông, không được làm mất vệ sinh môi trường;

b) Phần hè phố còn lại dành cho người đi bộ có bề rộng tối thiểu đạt 1,5 mét;

c) Hè phố có kết cấu chịu lực phù hợp với trường hợp được phép sử dụng tạm thời.

4. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo hướng dẫn tại Điều 20 của Quy định này.

5. Hồ sơ đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời một phần hè phố.

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời một phần hè phố (bản chính) trình bày rõ lý do, địa điểm, phương thức sử dụng và thời gian cần được cấp phép;

- Bản sao có chứng thực văn bản cho phép đầu tư xây dựng của công trình, hạng mục công trình có nhu cầu sử dụng một phần hè phố (nếu có);

- Hồ sơ thiết kế biện pháp sử dụng tạm thời một phần hè phố; biện pháp bảo đảm bảo an toàn giao thông (bản chính).

- Cam kết đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm và kinh phí liên quan khi để xảy ra tai nạn giao thông.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ; riêng hồ sơ thiết kế là 02 bộ.

6. Thời hạn giải quyết trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Cơ quan quản lý vỉa hè cấp giấy phép theo mẫu tại Phụ lục 5 kèm theo Quy định này.

7. Thời hạn của giấy phép được cấp theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức nhưng tối đa không quá 06 tháng.

8. Các cá nhân, tổ chức có nhu cầu sử dụng tạm thời một phần hè phố không vào mục đích giao thông trong các trường hợp sau không cần xin phép nhưng phải thông báo với UBND cấp xã trước khi sử dụng tạm thời một phần hè phố:

a) Tổ chức đám tang và điếu trông, giữ xe phục vụ đám tang của hộ gia đình; thời gian sử dụng tạm thời hè phố không quá 48 giờ, trường hợp đặc biệt không được quá 72 giờ;

b) Tổ chức đám cưới và điếu trông, giữ xe phục vụ đám cưới của hộ gia đình; thời gian sử dụng tạm thời hè phố không quá 48 giờ;

Điều 16. Cấp phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường của hệ thống đường địa phương không vì mục đích giao thông

1. Các cá nhân, tổ chức có nhu cầu sử dụng một phần lòng đường không vì mục đích giao thông phải được cơ quan quản lý đường bộ cấp phép. Một phần lòng đường sử dụng tạm thời không vào mục đích giao thông trong các trường hợp dưới đây phải xin cấp phép:

a) Điếu trông, giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; thời gian sử dụng tạm thời lòng đường không quá thời gian tổ chức hoạt động đó;

b) Điếu trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị; điếu dừng xe để cung cấp vật liệu, chở phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình; thời gian sử dụng tạm thời lòng đường từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép là Sở Giao thông Vận tải hoặc Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng được giao quản lý đường bộ.

3. Vị trí lòng đường được phép sử dụng tạm thời không vào mục đích giao thông phải đáp ứng đủ các điều kiện dưới đây:

a) Việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường không được gây mất trật tự, an toàn giao thông, không được làm mất vệ sinh môi trường;

b) Phần lòng đường còn lại dành cho các loại phương tiện có bề rộng tối thiểu bố trí đủ 02 làn xe cho một chiều đi;

c) Lòng đường có kết cấu chịu lực phù hợp với trường hợp được phép sử dụng tạm thời.

4. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo hướng dẫn tại Điều 20 của Quy định này.

5. Hồ sơ đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường.

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường (bản chính) trình bày rõ lý do, địa điểm, phương thức sử dụng và thời gian cần được cấp phép;
- Văn bản cho phép đầu tư xây dựng của công trình, hạng mục công trình có nhu cầu sử dụng một phần hè phố (bản sao có chứng thực);
- Hồ sơ thiết kế biện pháp sử dụng tạm thời một phần lòng đường; biện pháp bảo đảm bảo an toàn giao thông (bản chính).
- Cam kết đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm và kinh phí liên quan khi để xảy ra tai nạn giao thông.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ; riêng hồ sơ thiết kế là 02 bộ.

6. Thời hạn giải quyết trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Cơ quan quản lý đường bộ cấp giấy phép theo mẫu tại Phụ lục 5 kèm theo Quy định này.

7. Thời hạn của giấy phép được cấp theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức nhưng tối đa không quá 06 tháng.

Điều 17. Cấp phép sử dụng tạm thời một phần hè phố của hệ thống đường địa phương để trông giữ xe có thu phí

1. Các cá nhân, tổ chức có nhu cầu sử dụng một phần hè phố để trông, giữ xe có thu phí phải được cơ quan quản lý hè phố cấp phép.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép là Sở Giao thông Vận tải hoặc Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng được giao quản lý hè phố.

3. Vị trí hè phố được phép sử dụng tạm thời để trông, giữ xe có thu phí phải đáp ứng đủ các điều kiện dưới đây:

a) Việc sử dụng tạm thời một phần hè phố không được gây mất trật tự, an toàn giao thông;

b) Phần hè phố còn lại dành cho người đi bộ có bề rộng tối thiểu đạt 1,5 mét;

c) Hè phố có kết cấu chịu lực phù hợp với trường hợp được phép sử dụng tạm thời.

4. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo hướng dẫn tại Điều 20 của Quy định này.

5. Hồ sơ đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời một phần hè phố để trông giữ xe có thu phí.

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép sử dụng tạm thời một phần hè phố để trông, giữ xe có thu phí (bản chính) trình bày rõ lý do, địa điểm, phương thức sử dụng và thời gian cần được cấp phép;

- Bản sao có chứng thực văn bản cho phép đầu tư xây dựng của công trình, hạng mục công trình có nhu cầu sử dụng một phần hệ phố để trồng, giữ xe có thu phí;

- Hồ sơ thiết kế biện pháp sử dụng tạm thời một phần hệ phố; biện pháp bảo đảm bảo an toàn giao thông (bản chính).

- Cam kết đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm và kinh phí liên quan khi để xảy ra tai nạn giao thông.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ; riêng hồ sơ thiết kế là 02 bộ.

6. Thời hạn giải quyết trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Cơ quan quản lý vỉa hè cấp giấy phép theo mẫu tại Phụ lục 5 kèm theo Quy định này.

7. Thời hạn của giấy phép được cấp theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức nhưng tối đa không quá 06 tháng.

Điều 18. Cấp phép dừng xe, đỗ xe tại nơi cấm dừng, cấm đỗ; cấp phép xe vào đường cấm của hệ thống đường địa phương

1. Các cá nhân, tổ chức có nhu cầu điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và xe máy chuyên dùng dừng xe, đỗ xe tại nơi cấm dừng, cấm đỗ xe và nơi cấm đỗ xe; lưu thông trên các tuyến đường cấm hoạt động phải được cơ quan quản lý đường bộ cấp phép.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép là Sở Giao thông Vận tải hoặc Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng được giao quản lý đường bộ.

3. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục theo hướng dẫn tại Điều 20 của Quy định này.

4. Hồ sơ đề nghị cấp phép dừng xe, đỗ xe tại nơi cấm dừng, cấm đỗ hoặc cấp phép xe lưu thông vào đường cấm.

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép cấp phép dừng xe, đỗ xe tại nơi cấm dừng, cấm đỗ hoặc cấp phép xe lưu thông vào đường cấm (bản chính) theo mẫu tại Phụ lục 6 kèm theo Quy định này;

- Giấy tờ phương tiện (photo kèm bản chính để đối chiếu): Giấy chứng nhận đăng ký xe, sổ kiểm định kỹ thuật;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hợp đồng thuê xe (đối với xe thuê);

- Cam kết đảm bảo an toàn giao thông, thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; chịu hoàn toàn trách nhiệm và kinh phí liên quan khi để xảy ra tai nạn giao thông.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời gian giải quyết trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Cơ quan quản lý đường bộ cấp giấy phép theo mẫu tại Phụ lục 7 kèm theo Quy định này

6. Thời hạn của giấy phép được cấp theo yêu cầu của đơn vị, cá nhân nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Điều 19. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh

1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh bao gồm các loại:

- a) Đường huyện, đường xã, đường đô thị;
- b) Đường chuyên dùng;
- c) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu, trạm dừng nghỉ.

2. Vị trí đầu nối của đường nhánh được đầu nối vào đường tỉnh phải thông qua điểm đầu nối phù hợp với quy hoạch; thỏa thuận địa điểm hoặc chủ trương cho phép đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải thực hiện theo quy định về thiết kế nút giao tại Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.

4. Chủ đầu tư công trình phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến Sở Giao thông Vận tải xem xét chấp thuận thiết kế; phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối vào đường tỉnh và cấp phép thi công. Thủ tục chấp thuận thiết kế; phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối vào đường tỉnh và cấp phép thi công thực hiện tương tự như quy định đối với việc chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công công trình thiết yếu tại Điều 10 và Điều 11 của Quy định này

Điều 20. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính

1. Cách thức thực hiện: Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại văn phòng cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

2. Trình tự thực hiện như sau:

- a) Cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền;
- b) Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đúng quy định, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu đúng quy định, viết giấy hẹn lấy kết quả.
- c) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục tiến hành thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, có văn bản hướng dẫn hoàn thiện (đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính); nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận hoặc cấp giấy phép thi công. Trường hợp không chấp thuận hoặc không cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 21. Nhận bàn giao mặt bằng, hiện trường để thi công

Tổ chức, cá nhân đã được cấp phép thi công hoặc có văn bản thỏa thuận thi công phải làm thủ tục nhận bàn giao hiện trường, mặt bằng để thi công với đơn vị quản lý đường bộ. Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, hiện trường, tổ chức, cá nhân thi công phải chịu trách nhiệm quản lý và bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn; đồng thời, chịu mọi trách nhiệm nếu không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông để xảy ra tai nạn giao thông.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 22. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Giao thông vận tải:

a) Trình UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

b) Thực hiện nhiệm vụ cơ quan quản lý đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh và hệ thống đường được phân cấp quản lý; hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện công tác quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND cấp huyện quản lý.

c) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình giao thông đường bộ.

d) Phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; giải tỏa các công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường tỉnh.

e) Xây dựng kế hoạch, tổ chức, kiểm tra thực hiện công tác phòng chống lụt bão và khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, dịch họa gây ra trên các tuyến đường tỉnh.

g) Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ thực hiện công tác bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, xử lý vi phạm theo thẩm quyền, trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

h) Cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường tỉnh và hệ thống đường được phân cấp quản lý.

2. UBND cấp huyện:

a) Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được phân cấp quản lý.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

d) Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

e) Phối hợp với Thanh tra Sở Giao thông vận tải, đơn vị quản lý công trình đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

g) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải toả hành lang an toàn đường bộ.

h) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, dịch họa.

i) Chỉ đạo Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp, thu hồi Giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý.

3. UBND cấp xã:

a) Quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn cấp xã quản lý.

b) Theo dõi, kiểm tra các cá nhân, tổ chức có nhu cầu sử dụng tạm thời một phần hè phố không vào mục đích giao thông trong các trường hợp không cần xin phép đảm bảo tuân thủ Quy định này.

c) Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Quản lý, sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

d) Phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ.

e) Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải toả hành lang an toàn đường bộ.

g) Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, dịch họa

h) Thực hiện việc cấp, thu hồi giấy phép thi công, đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được phân cấp quản lý.

Điều 23. Trách nhiệm của các Sở, Ban ngành và đơn vị liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn các cơ quan thẩm định khi phê duyệt các dự án quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo kinh tế kỹ thuật và cấp Giấy chứng nhận đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 24. Trách nhiệm của đơn vị quản lý đường bộ

bản.

10. Các chủ đầu tư khi lập quy hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo năng cấp công trình ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ phải được sự đồng ý bằng văn của cơ quan quản lý đường bộ. Cơ quan quản lý đường bộ phải xem xét và trả lời bằng văn

10. Công an tỉnh: Chỉ đạo lực lượng cảnh sát giao thông, cảnh sát trật tự và các lực lượng khác trong ngành phối hợp với thanh tra giao thông và UBND các cấp xử lý kịp thời các vi phạm về về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

9. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng các công trình liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

8. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo thực hiện việc quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

b) Kiểm tra việc sử dụng Ngân sách Nhà nước cho việc quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải toả hành lang an toàn đường bộ bảo đảm sử dụng đúng mục đích.

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải bộ trí nguồn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và giải toả hành lang an toàn đường bộ.

7. Sở Tài chính có trách nhiệm:

5. Sở Công Thương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch và xây dựng hệ thống trạm xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ khác dọc theo đường bộ phải tuân thủ các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và an toàn giao thông.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện, Sở Giao thông vận tải hướng dẫn việc khảo sát, đo đạc, phân loại và sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi có liên quan đến công trình đường bộ; hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ để canh tác nông nghiệp bảo đảm an toàn công trình đường bộ.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; Hướng dẫn, quản lý xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ và các hàng mức hạ tầng khác trên tuyến đường như vỉa hè, cây xanh, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, tuy nèn và hào kỹ thuật; Phối hợp với Sở giao thông Vận tải và UBND cấp huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị.

1. Thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên; duy trì tình trạng kỹ thuật cầu đường, bảo đảm giao thông thông suốt và phối hợp với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông trên các tuyến đường quản lý.

2. Kịp thời báo cáo và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải) để tổng hợp, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Ngọc Thới

PHỤ LỤC 1

Mẫu Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2014
của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng.....năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi:(4)

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phân cấp quản lý, bảo vệ và phân loại đường bộ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ Quyết định số 18 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- (...5...)

(...2...) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...7...).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Hồ sơ thiết kế của (...6...);
- Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...8...) thực hiện.
- (...9...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị:

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình, ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường Mỹ Xuân”
- (4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền, hoặc văn bản thỏa thuận địa điểm và các văn bản khác có liên quan.
- (6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.
- (7) Ghi rõ tên đường, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải của đường, các vị trí cắt ngang qua (nếu có).
- (8) Đơn vị tư vấn thẩm tra được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.
- (9) Các tài liệu khác nếu cần thiết./.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu, các tổ chức, cá nhân cần cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 2

Mẫu Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2014
của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng.....năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Gia hạn xây dựng (...3...)

Kính gửi:(4)

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phân cấp quản lý, bảo vệ và phân loại đường bộ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- (...5...)

(....2....) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình (...3...), nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;
- (...6...)

(...2....) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu :.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu.
- (3) Ghi văn tắt tên công trình; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường Mỹ Xuân”.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền, hoặc văn bản thỏa thuận địa điểm và các văn bản khác có liên quan.
- (6) Các tài liệu khác nếu cần thiết./.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 3

Mẫu Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao, đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2014
của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../.....
....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO ĐƯỜNG TỈNH

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi:(4)

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phân cấp quản lý, bảo vệ và phân loại đường bộ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ Quyết định số 18 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- (...5...)

(...2...) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (...6...).

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- + Quy hoạch giao thông có liên quan đến đường nhánh và đường cần đầu nối (bản sao);
- + Văn bản thỏa thuận tuyển hoặc chủ trương cho phép đầu tư;
- + Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình; ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường A đầu nối vào đường Mỹ Xuân tại Km..+...”.
- (4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình nút giao đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh.
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền, hoặc văn bản thỏa thuận địa điểm và các văn bản khác có liên quan.
- (6) Ghi rõ, đầy đủ tên đường, cấp kỹ thuật của đường, lý trình của đường chính/.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 4

Mẫu Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng.....năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH

Cấp phép thi công (...3...)

Kính gửi:(4...)

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phân cấp quản lý, bảo vệ và phân loại đường bộ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ Quyết định số 18 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- (...5..);
- (...2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ...tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

(...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính)..

+ (...8...)

(...2...) xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...9...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:.....

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);
- (3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường Mỹ Xuân”.
- (4) Tên cơ quan cấp phép thi công;
- (5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền, hoặc văn bản thỏa thuận địa điểm và các văn bản khác có liên quan.
- (6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.
- (7) Ghi đầy đủ lý trình, tên đường đang khai thác.
- (8) Các tài liệu khác nếu cần thiết.
- (9) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 5

Mẫu Giấy phép thi công

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

TÊN ĐƠN VỊ CẤP PHÉP

Số:...../.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

GIẤY PHÉP

.....(1).....

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phân cấp quản lý, bảo vệ và phân loại đường bộ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ Quyết định số 18 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ văn bản chấp thuận thiết kế công trình;
- Căn cứ Đơn đề nghị cấp phép thi công của....(2)... kèm theo cam kết tự di dời và không đòi bồi thường của chủ đầu tư và hồ sơ thiết kế, tổ chức thi công được duyệt.

Cấp cho:(2).....

Địa chỉ:.....;

Điện thoại:

Được phép thi công công trình: ...(1)..., gồm các nội dung chính như sau:

- a).....;
- b).....;
- c).....;
- ..).....

3. Các yêu cầu đối với đơn vị thi công công trình:

- Mang giấy này đến đơn vị quản lý đường bộ (trực tiếp quản lý tuyến đường) để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông theo hồ sơ tổ chức thi công được duyệt và các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông khi thi công trên đất dành cho đường bộ;
- Sau khi nhận mặt bằng hiện trường, đơn vị thi công phải chịu trách nhiệm về an toàn giao thông, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra giao thông đường bộ và cơ quan có thẩm quyền khác;

- Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu đơn vị thi công không thực hiện việc tổ chức giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có) đơn vị thi công tự chịu, ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đền bù thiệt hại công trình đường bộ do lỗi của đơn vị thi công gây ra khi thi công trên đường bộ đang khai thác;
- Khi kết thúc thi công phải bàn giao lại mặt bằng, hiện trường cho đơn vị quản lý đường bộ;
-(các nội dung khác nếu cần thiết).....

4. Thời hạn thi công:

Giấy phép thi công này có thời hạn từ ngày/...../20...đến hết ngày...../...../20....

Quá thời hạn quy định phải đề nghị gia hạn./.

Nơi nhận:

-(2).....;
-;
- Lưu:.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC

V/v: Gia hạn hay điều chỉnh Giấy phép

1. Cho phép gia hạn Giấy phép này đến ngày:
2. Lý do gia hạn (điều chỉnh):
3. Nội dung gia hạn (điều chỉnh):

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong mẫu Giấy phép thi công :

- (1): Ghi tên dự án, công trình cấp giấy phép thi công. Ví dụ “V/v thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường Mỹ Xuân”.
- (2): Ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thi công.

Ghi chú: Trên đây là các nội dung chính của mẫu Giấy phép thi công. Các đơn vị quản lý đường bộ căn cứ từng công trình cụ thể để quy định nội dung giấy phép thi công cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 6

Mẫu Giấy đề nghị cấp phép dừng xe, đỗ xe nơi cấm dừng, cấm đỗ hoặc xe lưu thông vào đường cấm

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2014
của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../.....
....., ngày..... tháng.....năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

.....(3).....

Kính gửi:(4...)

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phân cấp quản lý, bảo vệ và phân loại đường bộ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- (...5...)

(.....2.....) nêu rõ lý do và đề nghị được (...4...) cấp phép cho phương tiện sau:

Xe (mác): Biển số đăng ký:

Trọng lượng bản thân của xe:.....(tấn)

+ Được dừng xe, đỗ xe tại (ghi cụ thể vị trí) đường ...(5)...

Hoặc:

+ Được lưu thông vào đường ...(5)...

+ Nơi đi (ghi cụ thể tên đường, địa danh)

+ Nơi đến (ghi cụ thể tên đường, địa danh)

Thời gian dừng, đỗ xe hoặc lưu thông trong ngày:

+ Từ.....giờ.....phút đến.....giờ.....phút.

+ Từ.....giờ.....phút đến.....giờ.....phút.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe;
- Bản sao sổ kiểm định kỹ thuật;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hợp đồng thuê xe (đối với xe thuê);
- Bản vẽ sơ đồ vị trí, sơ đồ lưu thông.

(.....2.....) cam kết đảm bảo an toàn giao thông, thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền; chịu hoàn toàn trách nhiệm và kinh phí liên quan khi để xảy ra tai nạn giao thông.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

Nơi nhận:

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

-(4).....;
-
- Lưu:.....

Hướng dẫn nội dung ghi trong mẫu Đơn đề nghị :

- (1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).
- (2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị;
- (3) Ghi nội dung xin phép dừng xe, đỗ xe hoặc xin phép lưu thông xe vào đường cần xin phép.
- (4) Tên cơ quan quản lý đường bộ;
- (5) Văn bản khác có liên quan.

Ghi chú: Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị. Các tổ chức, cá nhân căn cứ từng trường hợp cụ thể để ghi nội dung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 7

Mẫu Giấy phép dừng xe đỗ xe nơi cấm dừng, cấm đỗ hoặc xe lưu thông vào đường cấm

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2014/QĐ-UBND ngày tháng năm 2014
của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

TÊN ĐƠN VỊ CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:...../.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

GIẤY PHÉP

.....(1).....

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
- Căn cứ Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phân cấp quản lý, bảo vệ và phân loại đường bộ trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Căn cứ Quyết định số /18 /2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Xét hồ sơ đề nghị cấp phép dừng xe, đỗ xe nơi cấm dừng, cấm đỗ hoặc lưu hành xe vào đường cấm của ...(2)... kèm theo cam kết.

Cho phép dừng xe, đỗ xe tại đường ...(3)... hoặc lưu hành xe vào đường ...(3)... , cụ thể như sau:

Xe (mác): Biển số đăng ký:

Trọng lượng bản thân của xe:.....(tấn)

Của ...(2)...

+ Địa chỉ:.....;

+ Điện thoại:

+ Được dừng xe, đỗ xe tại (ghi cụ thể vị trí) đường ...(3)...

Hoặc:

+ Được lưu thông vào đường ...(3)...

+ Nơi đi (ghi cụ thể tên đường, địa danh)

+ Nơi đến (ghi cụ thể tên đường, địa danh)

Thời gian dừng, đỗ xe hoặc lưu thông trong ngày:

+ Từ.....giờ.....phút đến.....giờ.....phút.

+ Từ.....giờ.....phút đến.....giờ.....phút.

3. Các yêu cầu đối với ...(2)...

- Chủ phương tiện, người lái xe phải tuân thủ các quy định khác của Luật Giao thông đường bộ.